CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.5%	**14.5%**	**14.5%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 8,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	152
Số lượng CPLH (CP)	17,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	805
P/E	10.8

Tỷ suất lợi nhuận

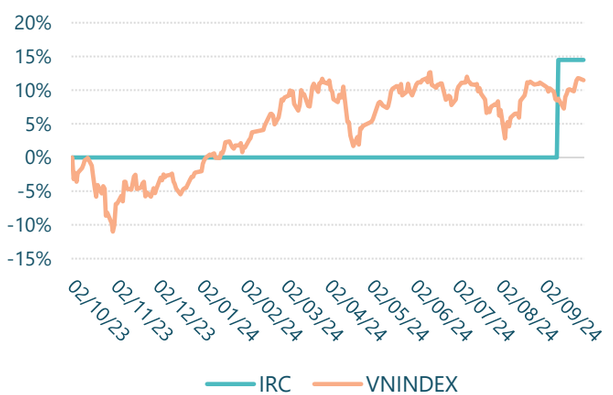

Doanh thu thuần

Q3/24

1.41

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.1 | -90.3%

YoY: ▼0.62 | -30.4%

Nợ/VCSH

Q3/24

4.4%

YoY: +/-▲ 1.2%

LN gộp

Q3/24

1.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.33 | -80.2%

YoY: ▲ 1.71 | 267%

ROE (TTM)

Q3/24

8.0%

YoY: +/-▲ 1.4%

LN trước thuế

Q3/24

0.83

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.19 | -79.4%

YoY: ▲ 2.34 | 155%

ROA (TTM)

Q3/24

7.6%

YoY: +/-▲ 1.2%

Kết quả kinh doanh Q3/24

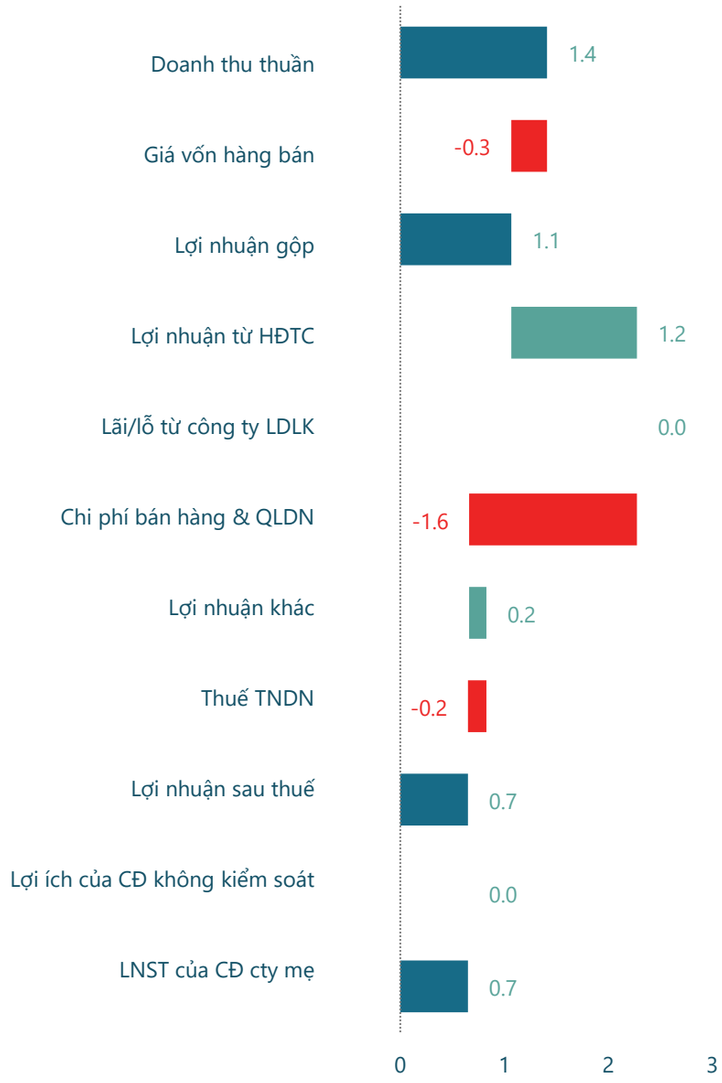

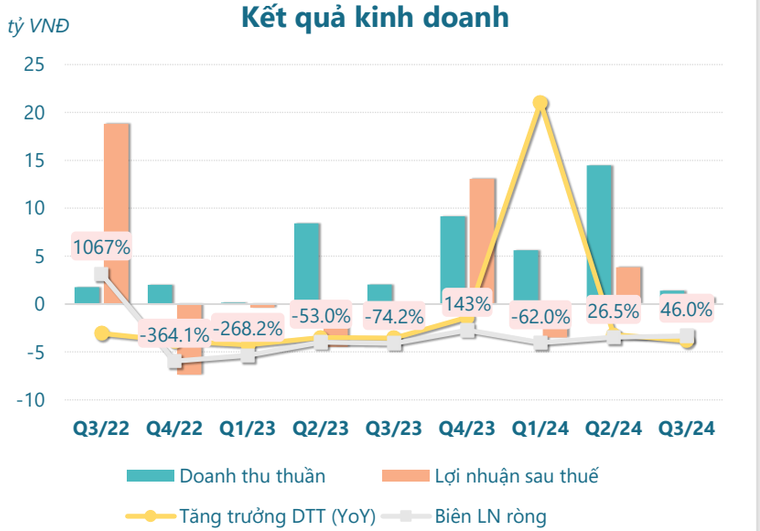

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.66 tỷ đồng**, giảm đi 81.1% so với kỳ trước và tăng thêm 2.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.21 tỷ đồng**, tăng thêm 31.5% so với kỳ trước và cao hơn 30.1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.16 tỷ đồng**, giảm đi 69.2% so với kỳ trước và tăng thêm 0.16 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

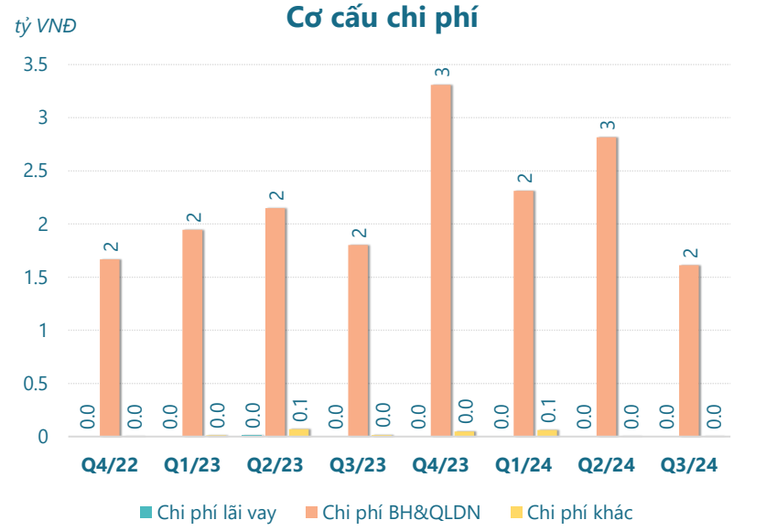

Kết quả kinh doanh của **IRC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1.41 tỷ đồng** giảm đi **30.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.65 tỷ đồng**, **tăng thêm 2.16 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **22.00 tỷ đồng** cao hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** tăng thêm 7.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

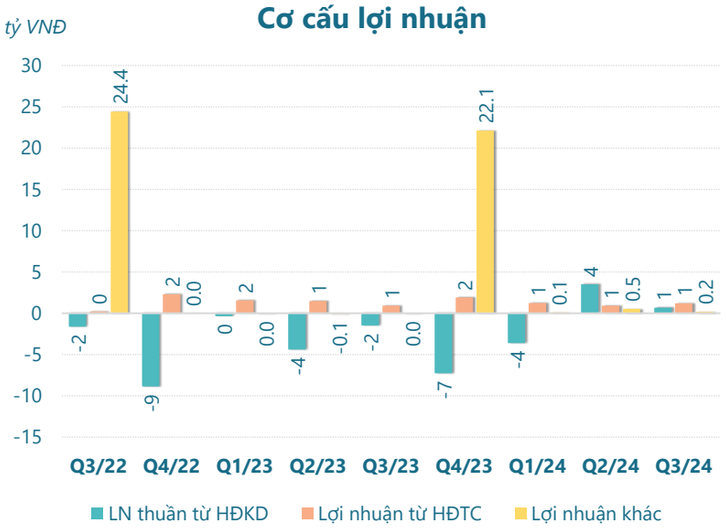

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.61 tỷ đồng** giảm đi 42.9% so với kỳ trước và thấp hơn 10.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cao su Công nghiệp (UPCOM: IRC)

FireAnt
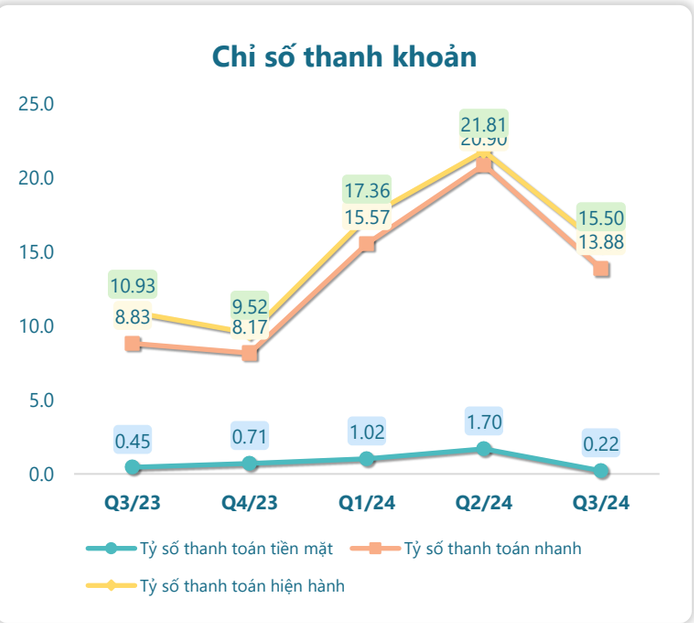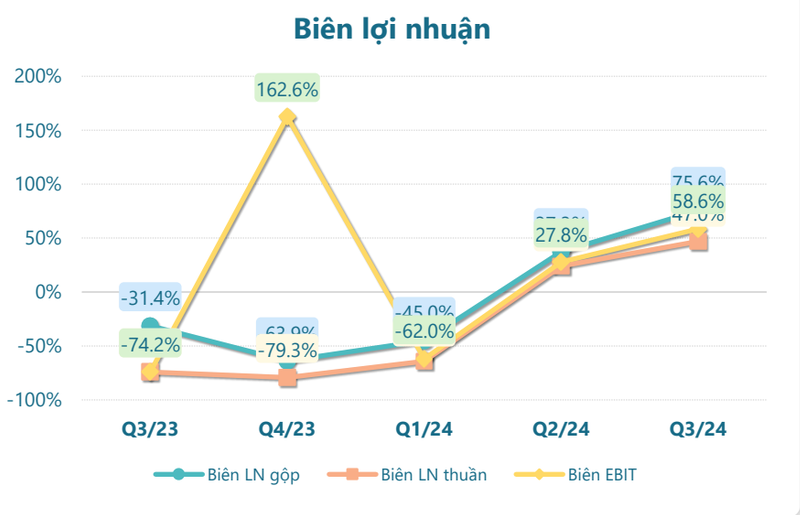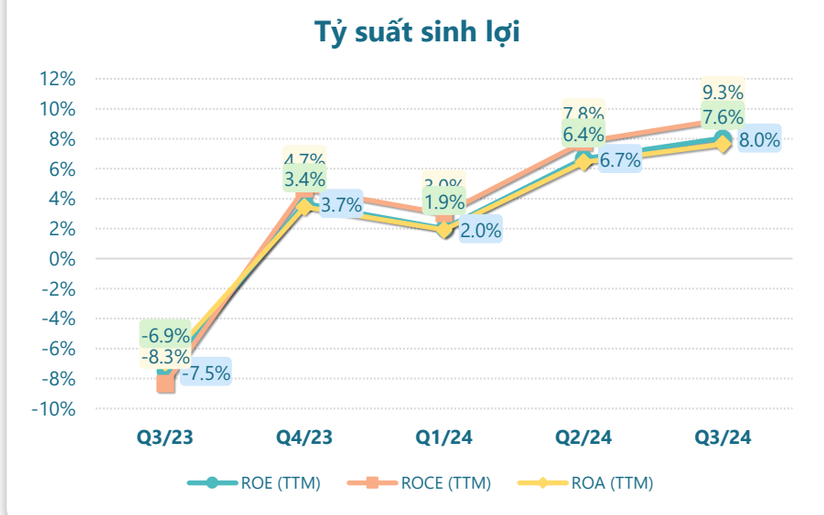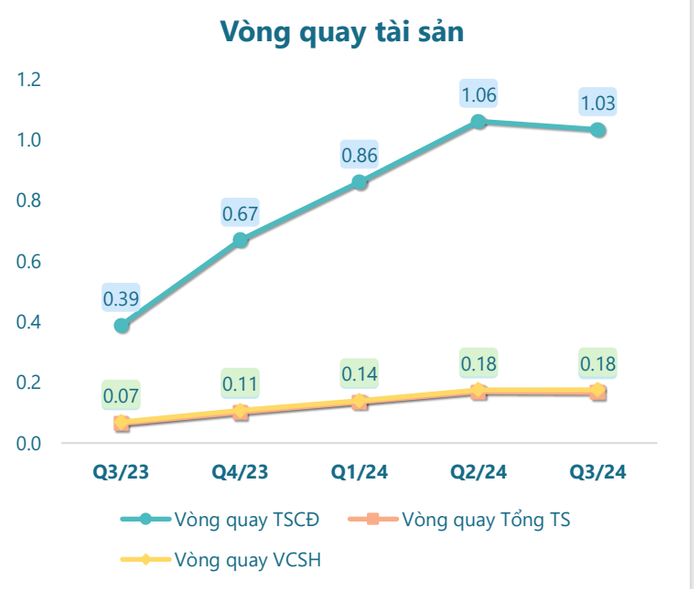
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.41**	**14.5**	**-90.3%**	**2.03**	**-30.4%**	**21.5**	**10.6**	**103%**
Giá vốn hàng bán	0.35	9.08	-96.2%	2.67	-87.1%	17.6	15.0	17.4%
Lợi nhuận gộp	1.07	5.40	-80.2%	-0.64	267%	3.94	-4.36	190%
Doanh thu HĐTC	1.34	1.49	-10.3%	1.21	10.5%	4.35	4.84	-10.1%
Chi phí TC	0.13	0.57	-77.3%	0.27	-52.0%	0.98	0.86	14.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.04	-97.9%	0.01	-91.6%	0.06	0.02	173%
Chi phí QLDN	**1.61**	**2.77**	**-41.9%**	**1.79**	**-10.0%**	**6.68**	**5.87**	**13.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.66	3.50	-81.1%	-1.51	144%	0.57	-6.28	109%
Lợi nhuận khác	**0.16**	**0.52**	**-68.3%**	**0.00**		**0.80**	**-0.08**	**1054%**
LN trước thuế	0.83	4.02	-79.4%	-1.51	155%	1.37	-6.36	121%
Lợi nhuận sau thuế	**0.65**	**3.84**	**-83.1%**	**-1.51**	**143%**	**1.00**	**-6.36**	**116%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.65**	**3.84**	**-83.1%**	**-1.51**	**143%**	**1.00**	**-6.36**	**116%**